

Bản án số: 82/2025/HS-ST

Ngày: 08- 07- 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Xà

Bà Nguyễn Thị Khuyên

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Nhữ Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 04 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-HS ngày 23/06/2025 đối với các bị cáo:

1. Sùng A T- sinh ngày 08/6/1999, tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Bản X, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã X, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sùng Giả L- sinh năm 1958, con bà Giàng Thị X (đã chết); vợ Ly Thị N- sinh năm 2000; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kết án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2024, bị tạm giam từ ngày 02/8/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Sùng A T1- sinh ngày 29/11/1992, tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Bản X, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã X, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: Cán bộ (đang bị tạm đình chỉ công tác); Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sùng Giả L- sinh năm 1958, con bà Giàng Thị X (đã chết); vợ là Vừ Thị I- sinh năm 1996; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đến ngày 08/8/2024 thì bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 106 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy huyện Đ; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2024, tạm giam từ ngày 02/8/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Sùng A T2- sinh ngày 12/4/1979, tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sùng Giả L, sinh năm 1958, con bà Giàng Thị X (đã chết); vợ là Lầu Thị O, sinh năm 1985; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đến ngày 25/10/2024 thì bị thi hành kỷ luật: Khai trừ theo Quyết định số 111 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy huyện Đ; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2024, tạm giam từ ngày 02/8/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng A T:* bà Nguyễn Thị Phụng - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của T tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng A T1:* ông Nguyễn Trần Dể - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của T tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ chị Vừ Thị S1 - sinh năm 1985; trú tại bản C, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là: xã S, tỉnh Điện Biên). Có mặt.

+ chị Vừ Thị K - sinh năm 1998, trú tại bản S, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là: xã N, tỉnh Điện Biên). Vắng mặt.

+ anh Vả Nỏ C - sinh năm 1974, trú tại bản H, xã L, huyện S, tỉnh Sơn La. (nay là: xã L, tỉnh Sơn La). Có mặt.

+ anh Giàng A K - sinh năm 2001; trú tại: thôn S, xã Bản P, huyện B, tỉnh Lào Cao. (nay là: phường L, tỉnh Lào Cai) Vắng mặt.

+ anh Điền Hữu B - sinh năm 1987, trú tại tổ 5 thôn A Y, thị trấn U, thành phố H, tỉnh Quý Châu, nước CHDCND T Hoa. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ chị Vàng Thị N1 - sinh năm 2004; trú tại: bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (nay là: xã X, tỉnh Điện Biên). Vắng mặt.

+ chị Ly Thị N - sinh năm 2000; trú tại: bản X, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (nay là: xã X, tỉnh Điện Biên). Có mặt.

+ chị Vừ Thị I - sinh năm 1996; trú tại: bản X, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (nay là: xã X, tỉnh Điện Biên). Có mặt.

- *Người phiên dịch:* anh Vàng A Nénh - sinh năm 2005, trú tại: xã Phình Giàng, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (nay là: xã Phình Giàng, tỉnh Điện Biên). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2024 đến tháng 7/2024, ba bị cáo Sùng A T, Sùng A T1, Sùng A T2 cùng tham gia với Sùng A S và các bạn của S gồm Hồ Thị X, Hạng Thị D, 01 người đàn ông tên là N2 và 02 người các bị cáo không biết tên, đã thực hiện 04 vụ chiếm đoạt tài sản; Sùng A S là người lên K hoạch, tổ chức và phân công nhiệm vụ cho mọi người dàn cảnh để chiếm đoạt tài sản của người khác. Quá trình thực hiện Sùng A S, Hồ Thị X và Sùng A T sử dụng mạng xã hội Facebook để làm quen, giả vờ nói chuyện tình cảm với những người ở địa phương khác, hẹn gặp mặt, rồi sắp xếp đưa họ đến khu vực vắng người qua lại trên đoạn đường thuộc địa bàn huyện Đ. Trong quá trình di chuyển, Sùng A S bố trí người gửi túi chứa các gói giả là ma túy để người được bố trí đi cùng bị hại cầm hộ, sau đó bố trí nhóm người chặn đường, trong đó có 01 người mặc trang phục Công an nhân dân, dàn cảnh giả làm tổ công tác của cơ quan công an tiến hành kiểm tra, bắt quả tang người đang tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, dùng khóa số 8 khoá tay các bị hại, khống chế, uy hiếp buộc các bị hại phải đưa tiền, tài sản mới được thả về, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng tháng 02/2024, Sùng A S làm quen với chị Vũ Thị S qua mạng xã hội Facebook. Quá trình quen biết, S đưa chị S1 đi mở tài khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại chi nhánh Bản Phủ. Ngày 27/02/2024, S hẹn gặp chị S1 để đưa đi nhận thẻ ATM. Trước khi đến gặp chị S1, S đã lên K hoạch và liên lạc với Sùng A T1 và Sùng A T để rủ đi chặn xe lấy tài sản, T2 và T đồng ý.

Khoảng 17 giờ ngày 27/02/2024, S đưa chị S1 lấy thẻ ATM, đến 18 giờ cùng ngày S điều khiển xe mô tô của chị S1 chở chị S1 đến bản Dư O, xã Noong U, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Do đã hẹn từ trước, T2, T cùng một người đàn ông tên N2 (không rõ lai lịch) đứng tại khu vực bản Nậm Ngám B, xã Pu Nhi, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để chờ đón đường chặn xe S và S đi đến.

Khi S và chị S1 đi đến khu vực bản Nậm Ngám B, có một người phụ nữ (không rõ lai lịch) đứng ở đường nhờ 2 người cầm hộ một chiếc túi để đưa cho người nhà. S nhận chiếc túi, để ở giá để đồ trên xe rồi đi tiếp khoảng 2 km thì gặp N2, T, T2 đang đứng ở đường. Lúc này N2 mặc trang phục Công an nhân dân, tự giới thiệu là công an và yêu cầu được kiểm tra; Sợ có người đi qua phát hiện nên N2, T2 và T kéo S, S1 đi xuống ta luy âm cách đường khoảng 35 mét để kiểm tra túi của S và chiếc túi S cầm hộ. N2 bắt S và S quỳ xuống, lục túi của chị S1 lấy được 4.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno3 pro màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITTEL loại IT9210 màu xanh tím cho vào một túi nilon rồi tự cầm, sau đó N2 lấy 01 dây chuyền vàng chị S1 đang đeo trên cổ đưa cho T2 cầm. Sau khi lấy được tài sản, S giả vờ bỏ chạy, T, T2 và N2 yêu cầu chị S1 đứng tại chỗ rồi giả vờ đuổi theo S để cùng tẩu thoát. Trên đường về, T2 đưa sợi dây chuyền vàng cho S. Sau đó chị S1 ra đường rồi đi nhờ xe về nhà. Đến ngày 08/3/2024, chị S1 quay trở lại hiện trường lấy xe mô tô cùng giấy tờ cá nhân. Sau khi thực hiện chiếm đoạt tài sản, S chia cho T và T2 mỗi người 01 triệu đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 11/KL-HDDGTS ngày 09/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Chiếc điện thoại OPPO Reno 3 Pro có giá trị 1.600.000 đồng; Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, loại IT9210 có giá trị 160.000 đồng tại thời điểm ngày 27/02/2024; Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HDDGTS ngày 05/11/2024 kết luận: Sợi dây chuyền bằng vàng trang sức loại vàng 999, có khối lượng 03 chỉ có giá trị 19.500.000 đồng tại thời điểm ngày 27/02/2024

Tổng giá trị tài sản chị S1 bị chiếm đoạt là 25.260.000 đồng.

Lần thứ hai:

Khoảng tháng 02/2024, thông qua mạng xã hội Facebook, Sùng A T quen biết với chị Vừ Thị K. Đến giữa tháng 5/2024, T nhắn tin hỏi thăm nên biết K đang ở Điện Biên cùng một người đàn ông Trung Quốc không rõ nhân thân lai lịch (gọi tắt là anh A) vì chị K cũng quen qua mạng xã hội, anh A thuê chị K làm phiên dịch và đến Điện Biên để tìm vợ. T kể với S và Hồ Thị X về việc này, S bảo T giới thiệu cho anh A làm quen với X và bàn bạc tính cách lấy tiền của anh A và chị K.

Khoảng 18 giờ 00 ngày 18/5/2024, T hẹn gặp chị K và anh A ở thành phố P, tỉnh Điện Biên, khi gặp mặt T giới thiệu có chị X là chị của T đã ly hôn chồng, đang muốn kết hôn với người Trung Quốc thì anh A đồng ý gặp mặt. T gọi điện cho X đến gặp anh A để hai bên nói chuyện với nhau. Sau đó, S bàn bạc với T tìm cách đưa chị K và A lên xã N, huyện Đ, dọc đường sẽ có người đưa gói ma túy giả cho T, còn S sẽ chặn đường giả làm công an kiểm tra để chiếm đoạt tài sản của chị K và anh A; T bàn với X về việc giả vờ rủ K đến nhà bố mẹ X để lừa đưa họ lên xã N, huyện Đ.

Ngày 19/5/2024 chị K và anh A có mặt tại thị trấn Đ, huyện Đ, T rủ 2 người đến nhà X. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T và X đi xe mô tô đến đón K và anh A, T chở chị K, X chở anh A đi đến bản T, xã N, huyện Đ. Khi đang đi trên đường, T gặp 01 người đàn ông đeo khẩu trang (T không biết là ai) đưa một túi nilon, nhờ T mang cho người nhà ở bản. T cầm và để lên giá đựng đồ của xe rồi đi tiếp. Đến khoảng 19 giờ 30 phút, khi đi đến đoạn đường thuộc bản T, xã N thì gặp N2 mặc trang phục công an và S đứng chặn đường giả làm lực lượng công an đang làm nhiệm vụ, N2 ra hiệu cho dừng xe và yêu cầu kiểm tra hành chính. N2 và S kiểm tra giấy tờ của mọi người, khi S kiểm tra đến chiếc túi T cầm hộ và nói có ma túy thì N2 vỗ vai ra hiệu cho T bỏ chạy. S dùng 02 khóa số 8 khóa tay chị K, anh A và X với nhau để không ai chống cự hay bỏ chạy được và đưa 03 người vào trong rừng cách đường đi khoảng 100 mét để không ai phát hiện. Tại đây, N2 và S nói trong chiếc túi có ma túy, K không nhận thì S tát vào má K. S và N2 nói 03 người vận chuyển trái phép ma túy, yêu cầu 03 người nộp số tiền 600.000.000 đồng nếu không sẽ phải đi tù. Sau đó, S và N2 giảm mức tiền yêu cầu xuống còn 100.000.000 đồng cho cả ba người. Do bị khóa tay và sợ bị đánh nên chị K đồng ý nộp tiền, còn anh A không biết tiếng nên không nói gì. X giả vờ không quen biết S, N2 và gọi người mang 20.000.000 đồng đến nộp nên được mở khóa tay ra về trước. K và anh A đã bị thu điện thoại từ trước và không có đủ tiền mặt nên K được S, N2 cho liên lạc với chồng Trung Quốc để chuyển

tiền. S gọi điện cho T bảo mượn một tài khoản ngân hàng để nhận chuyển tiền. T đã hỏi mượn tài khoản ngân hàng LP Bank của Vàng Thị N1 và nói dối bị rơi giấy tờ, bị cảnh sát giao thông bắt nên mượn tài khoản để người nhà gửi tiền cho, N2 đồng ý. T gửi số tài khoản chị N2 cho S. Sau đó, người nhà chị K đã gửi 82.500.000 đồng vào tài khoản của Vàng Thị N1, S và N2 tháo khoá tay thả K và anh A về. Sau đó T đã nhờ N2 rút 82.000.000 đồng đưa hết cho S, T cho N2 500.000 đồng còn trong tài khoản; T được S chia cho 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị K bị chiếm đoạt là 82.500.000 đồng (tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba:

Ngày 15/6/2024, qua mạng xã hội Facebook, Hồ Thị X làm quen, kết bạn với anh Và Nở C, trú tại huyện S, tỉnh Sơn La. Khoảng 19 giờ ngày 19/6/2024, C và X hẹn gặp nhau tại bản L, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vào thời điểm này, T2 và T nhận được điện thoại của S rủ đến bản L để cùng dàn cảnh giả làm công an để kiểm tra, chiếm đoạt tài sản của anh Và Nở C. T2, T và S gặp nhau ở chỗ hẹn và cùng đứng chờ để chặn xe của C và X.

Khi anh Và Nở C chở X đi qua bản L một đoạn thì gặp T2, T, S đứng ở đường, lúc này S mặc quần áo cảnh sát và yêu cầu kiểm tra hành chính. Khi kiểm tra túi đeo của X, S giả vờ phát hiện ra X đang cất giấu ma túy và dùng khoá số 8 khoá tay C vào khung bảo vệ đuôi xe máy. Sau đó S, T2, T đưa C và X vào phía bụi cây ở ta luy âm cách đường khoảng 100m để tránh người qua đường phát hiện. S nói C và X đã vận chuyển trái phép ma túy, nếu muốn được thả ra thì phải nộp mỗi người 100.000.000 đồng. C không đồng ý vì ma túy là của X, anh C không liên quan. T2 được S phân công đưa X lên đường để đi lấy tiền thực chất chỉ giả vờ cho C thấy, sau đó T2 đi về nhà trước. T và S ở lại lục và lấy được trong chiếc cặp của anh C số tiền 70.000.000 đồng. Lấy tiền xong, S mở khoá số 8 cho anh C rồi yêu cầu anh C đứng chờ tại chỗ. T đi về trước, S đi sau cầm theo cặp đựng tiền, tài sản của anh Chử; anh C chờ không thấy người nào quay lại nên đi về nhà, mấy ngày sau anh C nhờ người quay lại chỗ cũ lấy xe máy về. Sau khi lấy được tài sản, S chia cho T và T2 được mỗi người 10.000.000 đồng.

Về tài sản thiệt hại, theo lời khai của anh C, ngoài số tiền 70.000.000 đồng, anh còn bị chiếm đoạt hơn 02 triệu đồng và 01 điện thoại di động nhưng hai khoản này chưa làm rõ được do Sùng A S hiện đã bỏ trốn.

Lần thứ tư:

Qua mạng xã hội facebook, Giàng A K kết bạn với một người tên là Cá ở Điện Biên. Ngày 05/7/2024, anh Điền Hữu B là người Trung Quốc, quen biết với K đến Việt Nam chơi và muốn tìm phụ nữ Việt Nam để làm vợ. K đăng tin lên mạng tìm người thì Cá chủ động nhắn tin cho K để nói chuyện, sau đó, K hẹn cho Cá và B gặp nhau ở Điện Biên để tìm hiểu.

Ngày 12/7/2024, bị cáo T đi đến nhà S chơi thì S nói là X (chính là Cá) đã tán được hai người ở Lào Cai, T cùng X đi đón hai người này rồi cùng X đi đến xã N, huyện Đ để dàn cảnh bắt ma túy như lần trước để chiếm đoạt tài sản, sẽ có

Hạng Thị D (bạn của T) cùng tham gia, khi D đưa túi ma túy giả thì T cầm mang theo.

Khoảng 04 giờ sáng ngày 15/7/2024, K và B đi xe khách từ Lào Cai đến thành phố P, tỉnh Điện Biên như đã hẹn với X. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, X gặp K, B ở khu vực Tượng đài chiến thắng P. Sau khi nói chuyện, X mời hai người đến nhà X để ra mắt bố mẹ và gọi T đến cùng chở B và K đi. S bảo T tìm một tài khoản ngân hàng để nhận tiền nên T tiếp tục mượn tài khoản ngân hàng của Vàng Thị N1.

Khoảng 21 giờ ngày 15/7/2024, khi T chở B, X trở K đang đi trên đường thì gặp Hạng Thị D, T nhận túi chứa ma túy giả do D đưa và treo ở đầu xe máy, sau đó cả 4 người tiếp tục đi về khu vực xã N, huyện Đ. S gọi điện thoại cho T2 (nguyên là trưởng Công an thị trấn, huyện Đ) nói mang 01 bộ quần áo cảnh sát đến bản T cho S mượn, còn T2 cũng được T gọi đến chỗ hẹn. Sau khi T2 và T2 gặp S, S nói về việc sẽ chặn hai người đang đi cùng X để lấy tiền, T2 và T2 sẽ cùng dàn cảnh công an bắt người tàng trữ trái phép chất ma túy. T2 và T2 nhất trí cùng tham gia, nhưng T2 không đưa quần áo cảnh sát cho S mượn, vì đang trong ngày trực nên T2 đang mặc trang phục Công an nhân dân, bên ngoài có mặc áo khoác, mang theo súng và khóa số 8. Để làm cho các bị hại sợ, T2 cởi áo khoác gió bên ngoài ra để lộ quần áo cảnh sát, bỏ súng vào cốp xe máy và chỉ đeo vỏ bao súng vào thắt lưng bên phải của Tro.

Khi T và X chở K và B đi đến đoạn đường thuộc bản T, xã N thì gặp Tro, S, T2 đứng chặn ở đường yêu cầu kiểm tra. Khi mọi người xuống xe, S vỗ vai ra hiệu nên T bỏ chạy. T2 lấy túi treo ở xe của T lên và nói là K, B đang tàng trữ ma túy, phải còng tay lại, rồi T2 đưa cho S khóa số 8 để khóa tay B, K và X lại với nhau để không ai chạy và không chống cự được. K nói không biết trong túi là gì và hỏi tại sao lại khóa tay thì T2 dùng tay tát vào đầu K 3 cái. Sau đó, S, T2, T2 cùng đưa K, B lên đồi cách đó 70m để tránh người khác phát hiện. S nói với T2 sẽ yêu cầu họ đưa 100.000.000 đến 200.000.000 đồng. Khi lên đồi, T2 nói to với So và T2 ở lại xử lý, T2 sẽ đi lấy xe, mục đích để dọa K và B sẽ đưa về B sở công an, sau đó T2 đi về. S và T2 thu điện thoại cùng giấy tờ tùy thân của K và B, nói ba người đã tàng trữ ma túy, rồi mở túi treo ở đầu xe máy của T, lấy ra một cục màu trắng cho ba người xem qua rồi lại cất đi. K nói không nhận nhưng bị So tát mấy cái nên sợ không dám nói nữa. B không biết tiếng Việt nên không nói gì. Sau đó, S nói ba người sẽ bị tù từ 10-30 năm; K yêu cầu được xem bằng tên, chức vụ thì bị S tát và lấy 01 đoạn gậy gỗ khô vục vào đầu làm vỡ mũ bảo hiểm. Lúc đó K sợ nên xin T2, S không đánh nữa mà từ từ nói chuyện. Do bị khoá và liên tục bị đánh ép nên K, B chấp nhận đưa tiền để được thả về. X cũng giả vờ đồng ý nộp tiền. K và B lấy tiền mặt trên người ra được 11.000.000 đồng tiền Việt Nam, 1000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc nhưng T2, S yêu cầu phải 200.000.000 đồng mới được. K và X xin được giảm tiền xuống 50 triệu một người thì S, T2 đồng ý. X gọi cho người nhà mang tiền đến và được tháo khóa tay về trước. K nói không đủ tiền mặt và hỏi chuyển khoản, S, T2 đồng ý và đưa điện thoại cho K để thu xếp tiền. B đã gửi 20.000 Nhân dân tệ đến tài khoản của Vũ Thuý Linh (bạn của K) để đổi sang 70.000.000 đồng tiền Việt Nam, đồng

thời K vay thêm Linh 15.000.000 đồng tiền, tổng cộng được 85.000.000 đồng và nhờ Linh chuyển tiền vào tài khoản Vàng Thị N1 do S cung cấp. Khi K báo đã chuyển khoản được 85.000.000 đồng rồi thì K, B được tháo khóa tay. T2 lấy 2.000.000 đồng trong số tiền 11.000.000 đồng đưa lại cho K và B để trả tiền đi xe về. Sau đó S cầm số tiền 9.000.000 đồng và 1000 nhân dân tệ, 02 chiếc điện thoại di động và cùng T2 đi về. Anh K và anh B sau đó tới Cơ quan Công an trình báo.

Tại văn bản số 183 ngày 07/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Điện Biên, thời điểm 15/7/2024, tỷ giá giữa đồng nhân dân tệ Trung Quốc và đồng tiền Việt Nam là 01 đồng Nhân dân tệ bằng 3.332,65 đồng (VNĐ).

Tại kết luận định giá tài sản số 2361/KL-HĐĐGTS ngày 21/10/2024 của hội đồng định giá tài sản đã kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại Reno6 5G của Điền Hữu B trị giá 2.550.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại Reno11 5G của Giàng A K trị giá 5.033.333 đồng.

Tổng số tiền và tài sản Giàng A K và Điền Hữu B bị chiếm đoạt là 104.915.983 đồng. Trong giai đoạn điều tra chi Vàng Thị N2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 85.000.000 đồng trong tài khoản.

Tại Kết luận giám định sức khỏe số 129 ngày 02/8/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên đối với Điền Hữu B kết luận: có 03 vết mất sắc tố da màu nâu ở cổ tay và mu bàn tay trái, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Điền Hữu B tại thời điểm giám định là 1%. Kết luận giám định số 130 ngày 02/8/2024 đối với Giàng A K kết luận: tại thời điểm giám định trên cơ thể Giàng A K không có dấu vết thương tích nên không có căn cứ để tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho Giàng A K.

Ngày 27/7/2024, các bị cáo T, T2 và Tro đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đầu thú.

Tổng số tiền các bị cáo cùng đồng phạm đã chiếm đoạt của các bị hại là 282.675.983 (Hai trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm tám ba) đồng,

Quá trình điều tra đã thu giữ các vật chứng:

- Thu của bị cáo Sùng A T: 01 điện thoại di động hiệu VSMART, màu sơn tím; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53, màu sơn đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu sơn đỏ- đen, biển kiểm soát 27B2-207.01; số tiền 5.200.000 đồng; 01 chiếc áo bông Cảnh sát nhân dân; 01 cavat Cảnh sát; 01 bộ quần áo Cảnh sát nhân dân loại xuân hè; 01 túi giả da màu nâu; 01 túi nilon màu trắng có chứa 04 chiếc khẩu trang màu xám; 01 kính mắt gọng màu đen bằng nhựa; 01 cáp sim điện thoại nhãn hiệu Mobiphone; 01 đôi tất tay màu đen; 01 ví giả da màu nâu bên trong có một cáp sim điện thoại nhãn hiệu Viettel;

- Thu của bị cáo Sùng A T1: 01 điện thoại di động hiệu Realme màu sơn đen C53; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 27B2-156.58 (kèm 01 chìa khóa xe, 01 giấy đăng ký xe mang tên Sùng A T1);

- Thu của bị cáo Sùng A T2: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note11 Pro màu sơn đen C53, 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím, màu xanh.

- Thu giữ của Hồ Thị X 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu sơn trắng-đen, biển kiểm soát 27B2-209.87.

- Thu tại hiện trường vụ án: 02 chiếc mũ bảo hiểm, 01 dây đai nhựa màu đen, 01 cành cây gỗ, 01 chiếc quần dài màu đen, 01 chiếc mũ dạng rộng vành.

- Thu của chị Vàng Thị N1 số tiền 800.000 đồng (là tiền bị cáo T cho chị N2 sau khi nhờ chuyển khoản trong vụ cướp tài sản của bị hại Vũ Thị K)

*** Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:**

- Bị hại Vũ Thị S yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 25.260.000 đồng;

- Bị hại Vũ Thị C yêu cầu bồi thường số tiền 70.000.000 đồng, hơn 02 triệu đồng trong túi và 01 điện thoại di động;

- Bị hại Vũ Thị K yêu cầu bồi thường số tiền 82.500.000 đồng.

- Bị hại Giảng A K và Điền Hữu B đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt 85.000.000 đồng Cơ quan điều tra thu giữ từ chị Vàng Thị N2 và các bị cáo bồi thường thêm 48.000.000 đồng, các bị hại K và B không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Gia đình các bị cáo đã nộp tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự để bồi thường cho các Bị hại: bị cáo T nộp 2.500.000 đồng, bị cáo T2 nộp 2.500.000 đồng.

Các bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính tại cơ quan Thi hành án dân sự: bị cáo T nộp 2.500.000 đồng, bị cáo T2 nộp 2.500.000 đồng.

Cáo trạng số 09/CT-VKSĐB-P2 ngày 14/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Sùng A T, Sùng A T1 về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Sùng A T2 về tội “*cướp tài sản*” theo điểm a,đ khoản 2 điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Sùng A T, Sùng A T1, Sùng A T2 phạm tội “*Cướp tài sản*”,

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a,g khoản 1 Điều 52; điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sùng A T từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; a,g khoản 1 Điều 52; điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sùng A T1 từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a,đ khoản 2 Điều 168; các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52; điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sùng A T2 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho các Bị hại như sau:

- Bị cáo Sùng A T phải bồi thường cho bị hại Vừ Thị S số tiền 12.630.000 đồng, bồi thường cho Vừ Thị K số tiền 82.500.000 đồng, bồi thường chi bị hại Và Nỏ C số tiền 35.000.000 đồng.

- Bị cáo Sùng A T1 phải bồi thường cho bị hại Vừ Thị S số tiền 12.630.000 đồng, bồi thường cho bị hại Và Nỏ C số tiền 35.000.000 đồng.

- Công nhận các bị cáo T, T2, Tro đã bồi thường xong cho Bị hại Giàng A K và Điền Hữu Trụ các bị cáo không phải bồi thường gì thêm.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu và tiêu hủy các vật chứng là công cụ phạm tội và vật không có giá trị gồm: 01 chiếc áo bông Cảnh sát nhân dân; 01 cavat cảnh sát; 01 bộ quần áo Cảnh sát nhân dân loại xuân hè; 01 túi giả da màu nâu; 01 túi nilon màu trắng có chứa 04 chiếc khẩu trang màu xám; 01 kính mắt gọng màu đen bằng nhựa; 01 cáp sim điện thoại nhãn hiệu Mobiphone; 01 đôi tất tay màu đen; 01 ví giả da màu nâu bên trong có một cáp sim điện thoại nhãn hiệu Viettel, 02 chiếc mũ bảo hiểm, 01 dây đai nhựa màu đen, 01 cành cây gỗ, 01 chiếc quần dài màu đen, 01 chiếc mũ dạng rộng vành.

Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước: giá trị 1/2 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 27B2-156.58 bị cáo T2 đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, trả lại cho vợ bị cáo T2 1/2 giá trị chiếc xe mô tô; tịch thu các điện thoại di động các bị cáo T, T2, Tro đã sử dụng để liên lạc trao đổi thực hiện tội phạm;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo T và T2 phạm tội mà có, khấu trừ số tiền 2.500.000 đồng mỗi bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự, các bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại.

Trả lại các tài sản: trả cho bị cáo Sùng A T 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màu tím và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu đen; Trả lại cho bị cáo Sùng A T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53, màu đen; Trả lại cho bị cáo Sùng A Tro: 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu xanh; Trả lại cho bị hại Vừ Thị K số tiền 5.200.000 đồng thu giữ của bị cáo T và 800.000 đồng chị Vàng Thị N2 giao nộp; Trả lại cho vợ bị cáo T là chị Ly Thị N 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda RSX, biển kiểm soát 27B2-207.01 thu giữ của bị cáo T.

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Sùng A T và Sùng A T1, buộc bị cáo Sùng A T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T2 không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Sùng A T nhất trí về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trong quá trình điều tra truy tố, xét xử, bị cáo đã tự ra đầu thú và thành khẩn khai báo, đã bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có 02 con còn rất nhỏ. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xem xét áp dụng cho bị cáo mức án thấp nhất trong khung hình

phạt. Đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về không áp dụng hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng và án phí.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng A T1 nhất trí về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trong quá trình điều tra truy tố, xét xử, bị cáo đã đầu thú và thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường cho các bị hại, quá trình công tác được tặng thưởng bằng khen, giấy khen, có ông nội là người có công với cách mạng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất trong khung. Đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về không áp dụng hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa các Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa vắng mặt các bị hại Giàng A K, Điền Hữu B, Vừ Thị K; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vàng Thị N1, xét những người vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ, có lời khai trong quá trình điều tra, các bị hại có đơn xin giải quyết vắng mặt và thấy sự vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Sùng A T, Sùng A T1, Sùng A T2 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, của các bị cáo khác trong vụ án về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra như các biên bản và bản ảnh khám nghiệm hiện trường, kết quả nhận dạng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản, các vật chứng thu giữ được, các biên bản xác minh....

Có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 7/2024, trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Điện Biên, dưới sự chỉ đạo, bố trí, phân công vai trò thực hiện của Sùng A S, các bị cáo T, T2, T2 cùng với Sùng A S, Hờ Thị X, người tên N2 và một số đối tượng khác chưa rõ lai lịch, đã sử dụng mạng xã hội facebook để làm quen, dụ dỗ và hẹn gặp mặt các Bị hại tại Đ, khi trên đường đi cùng các bị hại Sùng A S đã sắp xếp người đưa các túi đồ chứa các gói giả là ma túy, sau đó bố trí người chặn đường, trong đó có người mặc trang phục Công an nhân dân, giả danh là tổ công tác của cơ quan Công an đang

làm nhiệm vụ để chặn bắt, đe dọa, cưỡng ép nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện 04 vụ chiếm đoạt tài sản tại địa bàn huyện Đ, số tiền chiếm đoạt được đều do Sùng A S giữ và có chia một phần cho những người cùng tham gia.

Trong quá trình thực hiện các bị cáo đã sắp xếp thời gian, địa điểm, lợi dụng trời đêm tối, khu vực vắng không có người qua lại, sử dụng công tay số 8 khóa tay các bị hại, dọa bắt đưa về B sở Công an xử lý về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, một số vụ còn dùng vũ lực đối với Bị hại, nhóm bị cáo đã chiếm đoạt tài sản các Bị hại mang theo người và buộc các bị hại phải đưa tiền, chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng mới thả cho về.

Bằng thủ đoạn như trên, các bị cáo đã thực hiện thành công 04 vụ chiếm đoạt tài sản của 05 bị hại với tổng số tiền 282.675.983 đồng, trong đó:

- Sùng A S cùng Sùng A T, Sùng A T1 và 01 người tên là N2 chiếm đoạt tài sản của chị Vừ Thị S trị giá 25.260.000 đồng.

- Sùng A S cùng Sùng A T, Hờ Thị X và N2 chiếm đoạt tài sản của chị Vừ Thị K số tiền 85.500.000 đồng.

- Sùng A S cùng Sùng A T, Sùng A T1, Hờ Thị X chiếm đoạt tài sản của anh Vả Nỏ C số tiền 70.000.000 đồng.

- Sùng A S cùng Sùng A T, Sùng A T1, Sùng A T2, Hờ Thị X chiếm đoạt tài sản của Giàng A K và Điền Hữu B số tiền 104.915.983 đồng.

Các bị cáo T, T2, T2 là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tổng giá trị tài sản các bị cáo cùng tham gia chiếm đoạt của các bị hại 282.675.983 đồng. Trong đó bị cáo T tham gia 04 vụ nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt là 282.675.983 đồng, bị cáo Sùng A T1 tham gia 03 vụ phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền 200.175.983 đồng, bị cáo Sùng A T2 tham gia 01 vụ phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 104.915.983 đồng.

Các bị cáo tham gia dưới sự chỉ đạo và lên K hoạch của Sùng A S, thực hiện hành vi phạm tội có sự phân công, cấu kết chặt chẽ, bố trí người dẫn dắt, đưa đường, người đưa ma túy giả, người chặn bắt, chuẩn bị các công cụ hỗ trợ như trang phục Công an nhân dân, khóa số 8, trong đó tất cả các bị cáo đều là người thực hành. Do đó, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức và đã phạm vào tội “Cướp tài sản” quy định tại điều 168 của Bộ luật hình sự.

Với số tiền tham gia chiếm đoạt hơn 200.000.000 đồng, hành vi phạm tội của hai bị cáo Sùng A T và Sùng A T1 đã phạm vào điểm a khoản 3 điều 168 Bộ luật hình sự (*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*), hành vi của bị cáo Sùng A T2 đã phạm vào các điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự (*phạm tội có tổ chức và chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*).

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm sức khỏe, tinh thần của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản; gây hoang mang, lo sợ và bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các bị cáo phạm tội có tổ chức, bị cáo Sùng A T thực hiện 04 lần cướp tài sản, bị cáo Sùng A T1 thực hiện 03 lần cướp tài sản nên 02 bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội có tổ chức*” và “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại các điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Sùng A T2 là Trưởng công an thị trấn Đ, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mặc trang phục công an nhân dân được cấp, thực hiện với vai trò là cán bộ công an, bị cáo đã sử dụng các công cụ hỗ trợ do ngành công an trang bị như khóa tay số 8, đeo dây lưng có bao súng, có mang theo súng bắn đạn cao su, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội*” theo điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, trước khi phạm tội bị cáo Sùng A T1 và Sùng A T2 là công chức Nhà nước, là đảng viên, hiện bị cáo T2 đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị cáo T2 đã bị khai trừ ra khỏi đảng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã cùng bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại Giàng A K và Điền Hữu B; hai bị cáo Sùng A T, Sùng A T1 nộp mỗi người 2.500.000 đồng tại cơ quan Thi hành án để bồi thường cho các bị hại khác, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho 03 bị cáo.

Quá trình công tác bị cáo Sùng A T2 được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, Huy chương vì an ninh tổ quốc và được tặng thưởng bằng khen, giấy khen về thành tích xuất sắc trong quá trình công tác; Bị cáo Sùng A T1 được tặng nhiều bằng khen, giấy khen đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo T2 và bị cáo T2.

Sau khi phạm tội các bị cáo Sùng A T2, Sùng A T1, Sùng A T đã đến cơ quan công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị hại Giàng A K và Điền Hữu B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho 03 bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Sùng A T, Sùng A T1 được hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội, đã tự nguyện nộp mỗi người 2.500.000 đồng tại cơ quan Thi hành án

dân sự để nộp vào ngân sách nhà nước nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Cả 03 bị cáo có ông nội là Sùng Chồng Vừ là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho các bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa về áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[5] Xét vai trò và đánh giá mức độ phạm tội từng bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo T, T2, T2 cùng với Sùng A S là anh em ruột, cùng cố ý thực hiện tội phạm theo sự chỉ đạo, điều hành của Sùng A S. Trong quá trình thực hiện tội phạm Sùng A S chỉ đạo và phân công nhiệm vụ cho các bị cáo cùng thực hiện, Bị cáo T2 tuy không được bàn bạc trước với Sùng A S nhưng chấp nhận và làm theo chỉ đạo của Sùng A S, nên thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức, trong đó Sùng A S là người chủ mưu, cầm đầu, phân công các bị cáo khác thực hành. Trong vụ án bị cáo T được hưởng lợi 21.000.000 đồng, bị cáo T2 được hưởng lợi 11.000.000 đồng do Sùng A S chia cho, bị cáo T2 không được hưởng lợi gì.

Để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời để răn đe giáo dục pháp luật cho những người khác, Hội đồng xét xử quyết định cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo, để các bị cáo sửa chữa lỗi lầm, sau này sống có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên cũng cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và T2 độ thành khẩn, ăn năn hối cải của các bị cáo khi áp dụng mức hình phạt.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy bị cáo T và Bị cáo T2 tham gia nhiều lần và được hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt được do Sùng A S chia cho, 02 bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó thấy đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với 02 bị cáo là phù hợp.

Đối với vai trò của bị cáo Sùng A T2 trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo T2 tham gia thực hiện hành vi phạm tội 01 lần từ sự lôi kéo của Sùng A S, trước khi đến hiện trường vụ án bị cáo không biết trước việc Sùng A S dàn xếp chiếm đoạt tài sản, bị cáo không được bàn bạc từ trước và không được hưởng lợi gì; với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã cùng các bị cáo khác bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại Giàng A K và Điền Hữu B và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự, 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; quá trình sinh sống, làm việc luôn chấp hành tốt pháp luật tại địa phương, được tặng thưởng nhiều huy chương, bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác, hiện nay bị cáo sức khỏe yếu, do đó thấy bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng quy

định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự áp dụng mức hình phạt dưới khung cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, điều kiện kinh tế không có, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 6 điều 168 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại:

Do các đồng phạm liên quan (Sùng A S, Hờ Thị X, người tên N2) hiện đang bỏ trốn nên chưa xác minh làm rõ được trách nhiệm của những người này, do đó 03 bị cáo trong vụ án phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các Bị hại theo các lần tham gia cướp tài sản, sau này các bị cáo có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu các đối tượng còn lại bồi hoàn lại số tiền các bị cáo đã bồi thường cho bị hại nếu có yêu cầu.

+ Bị hại Vừ Thị S bị chiếm đoạt 25.260.000 đồng, buộc bị cáo T và bị cáo T2 phải liên đới bồi thường toàn bộ cho Bị hại Sua, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 12.630.000 đồng.

+ Bị hại Vừ Thị K bị chiếm đoạt 82.500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thu giữ 500.000 đồng từ chị Vàng Thị N1, buộc bị cáo T phải bồi thường cho Bị hại K số tiền 82.000.000 đồng.

+ Bị hại Và Nỏ C bị chiếm đoạt 70.000.000 đồng, buộc bị cáo T và bị cáo T2 phải liên đới bồi thường toàn bộ cho Bị hại C, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 35.000.000 đồng.

+ Đối với Bị hại Giàng A K và Điền Hữu B: cơ quan điều tra đã thu hồi được số tiền 85.000.000 đồng và đã giao lại cho các Bị hại; Các bị cáo T, T2, Tro bồi thường tiếp cho các Bị hại 48.000.000 đồng, các Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, do đó hội đồng xét xử ghi nhận các bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại K và Trụ.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus thu giữ của chị Vàng Thị N1 cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N2; Số tiền 85.000.000 đồng thu giữ của chị N2 đã trả lại cho bị hại Giàng A K và Điền Hữu B là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Các điện thoại di động của các bị cáo sử dụng liên lạc, trao đổi khi thực hiện tội phạm cần tịch thu sung ngân sách nhà nước gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, model: TA-1174 thu của Sùng A T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 Pro, màu đen thu của Sùng A T2.

- Đối với các điện thoại di động thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màu tím và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

OPPO A53 màu đen thu của Sùng A T; 01 chiếc điện thoại Realme C53, màu đen thu của Sùng A T1; 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu xanh của Sùng A T2.

- Số tiền thu giữ của bị cáo Sùng A T 5.200.000 đồng là tiền bị cáo được hưởng lợi từ hành vi phạm tội và số tiền 800.000 đồng thu giữ của chị Vàng Thị N1 có nguồn gốc từ cướp tài sản của chị K cần trả lại cho bị hại Vừ Thị K.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo Sùng A T1 đã làm rõ bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên là tài sản chung của vợ chồng, vợ bị cáo không biết việc bị cáo sử dụng, nên cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe và trả lại cho vợ bị cáo T2 1/2 giá trị xe.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo Sùng A T đã làm rõ là tài sản riêng của chị Ly Thị N, chị N2 không biết việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại chiếc xe cho chị Ly Thị N.

- Các vật chứng còn lại không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy gồm: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen nhãn hiệu adidas; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen nhãn hiệu NIKE và một mảnh vỡ màu đen; 01 dây đai nhựa màu đen; 01 cành cây gỗ nhỏ; 01 chiếc quần dài màu đen; 01 chiếc mũ dạng rộng vành; 01 chiếc áo bông Cảnh sát nhân dân, kèm theo cavat cảnh sát; 01 bộ quần áo Cảnh sát nhân dân loại xuân hè (quần và áo sơ mi màu xanh cốm); 01 túi giả da màu nâu có dây đeo; 01 túi nilon màu trắng có chứa 04 chiếc khẩu trang màu xanh; 01 gọng kính mắt bằng nhựa; 01 cáp sim điện thoại nhãn hiệu Mobiphone, mã số 18062024 (không có sim); 01 đôi tất tay màu đen, dài 35cm, rộng 10cm; 01 ví giả da màu nâu bên trong có một cáp sim điện thoại nhãn hiệu Viettel, một mặt cáp có ghi số thuê bao 1658995892 (không có sim);

- Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda Rxx màu trắng, đen biển kiểm soát 27B2-209.87 thu giữ của Hồ Thị X Cơ quan điều tra đã tách vụ án đối với bị can Hồ Thị X và vật chứng chuyển kèm theo nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[10] Về truy thu tiền do phạm tội mà có:

- Bị cáo Sùng A T được hưởng lợi bất chính 21.000.000 đồng, bị cáo đã sử dụng 15.800.000 đồng chi tiêu cá nhân, số còn lại 5.200.000 đồng đã bị thu giữ, nên cần truy thu số tiền bị cáo đã sử dụng 15.800.000 đồng, ghi nhận bị cáo đã nộp 2.500.000 đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự, bị cáo còn phải nộp tiếp vào ngân sách nhà nước số tiền 13.300.000 đồng.

Bị cáo Sùng A T1 được hưởng lợi 11.000.000 đồng, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, cần truy thu toàn bộ số tiền bị cáo phạm tội mà có, bị cáo đã giao nộp 2.500.000 đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự, bị cáo còn phải nộp tiếp vào ngân sách nhà nước số tiền 8.500.000 đồng.

[11] Về án phí:

Các bị cáo Sùng A T, Sùng A T1 là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Sùng A T thuộc hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch

cho 02 bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Sùng A T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T2 không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

[12] Các vấn đề khác có liên quan:

- Quá trình điều tra, Sùng A S và Hồ Thị X bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, Hạng Thị D vắng mặt tại địa phương Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm; Đối với người đàn ông tên N2 và người đưa gói ma túy giả cho các bị cáo do chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không tiến hành điều tra, xác minh được những đối tượng này.

- Bị hại Vừ Thị K khai ngoài số tiền 82.500.000 đồng bị chiếm đoạt, chị K còn bị các đối tượng chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động, do không xác định được đặc điểm của hai chiếc điện thoại nên không tiến hành định giá tài sản được. Bị hại V và Nở C khai ngoài số tiền 70.000.000 đồng, bị hại còn bị chiếm đoạt số tiền hơn 02 triệu đồng cùng 01 điện thoại. Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ gì về nguồn gốc đối với các tài sản này nên chưa xác định được.

Do đó, Cơ quan điều tra đã tách vụ án hình sự đối với bị can Sùng A S và bị can Hồ Thị X, tách các hành vi và các tài sản bị chiếm đoạt chưa được làm rõ nêu trên để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với Vàng Thị N1 cho bị cáo Sùng A T mượn tài khoản ngân hàng để nhận chuyển khoản số tiền chiếm đoạt được, do chị Vàng Thị N1 không biết về nguồn gốc số tiền đã nhận hộ nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda Future màu trắng, biển kiểm soát 27B1-00.654, chiếc khóa còng số 8, vỏ bao súng cao su, 01 súng bắn đạn cao su bị cáo Tro sử dụng trong quá trình phạm tội là tài sản được trang cấp trong quá trình bị cáo công tác trong lực lượng công an nhân dân. Sau khi bị cáo xuất ngũ đã trả lại phương tiện, công cụ hỗ trợ trên cho Công an huyện Đ nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[13] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Sùng A T, Sùng A T1, Sùng A T2 phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a,g khoản 1 Điều 52; điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A T 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a,g khoản 1 Điều 52; điều 17; điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A T1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2024.

- Áp dụng điểm a,đ khoản 2 Điều 168; các điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52, Điều 17; điều 58; Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A T2 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2024.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự,

- Buộc bị cáo Sùng A T và Sùng A T1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Bị hại Vũ Thị S số tiền 25.260.000 đồng, trong đó bị cáo T phải bồi thường 12.630.000 đồng (*mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*), bị cáo T2 phải bồi thường 12.630.000 đồng (*mười hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Sùng A T phải bồi thường thiệt hại cho Bị hại Vũ Thị K số tiền 82.500.000 đồng, chuyển số tiền vật chứng thu giữ 5.200.000 đồng thu giữ của bị cáo T và số tiền bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự 2.500.000 đồng để bồi thường cho chị Vũ Thị K (*theo biên lai thu tiền số 0000163 ngày 12/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên*), chuyển số tiền chị Vàng Thị N1 đã giao nộp 800.000 đồng trả cho chị Vũ Thị K; bị cáo T còn phải bồi thường tiếp cho chị Vũ Thị K số tiền 74.000.000 đồng (*bảy mươi tư triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Sùng A T và Sùng A T1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Và Nỏ C số tiền 70.000.000 đồng, trong đó bị cáo T phải bồi thường 35.000.000 đồng, bị cáo T2 phải bồi thường 35.000.000 đồng; chuyển số tiền bị cáo T2 đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự 2.500.000 đồng để bồi thường cho bị hại Chứ (*theo biên lai thu tiền số 0000161 ngày 12/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên*), bị cáo T2 còn phải bồi thường tiếp cho bị hại Và Nỏ C số tiền 32.500.000 đồng (*ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Công nhận các bị cáo T, T2, Tro đã bồi thường xong cho Bị hại Giàng A K và Điền Hữu B (gồm số tiền 85.000.000 đồng thu giữ của chị Vàng Thị N2 và các bị cáo bồi thường thêm 48.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

- Tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX, màu trắng đen, biển kiểm soát 27B2-156.58 số máy JA52E0194277, số khung RLHJA385XLY047061, loại xe hai bánh từ 50-175cm³, dung tích: 109 cm³, năm sản xuất: 2020, xe cũ đã qua sử dụng. (kèm 01 chìa khóa xe, 01 giấy đăng ký xe mang tên Sùng A T1) thu giữ của Sùng A T1; Trả lại cho chị Vừ Thị I là vợ của bị cáo Sùng A T1 là $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe.

- Tịch thu các điện thoại di động gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, model: TA-1174, tình trạng: Cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của Sùng A T1;

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 Pro, màu sơn đen, tình trạng: cũ, đã qua sử dụng, bên trong gắn: 01 sim nhãn hiệu Mobiphone, thu giữ của Sùng A T2.

3.2. Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền do phạm tội mà có:

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 15.800.000 đồng bị cáo Sùng A T phạm tội mà có, ghi nhận bị cáo đã nộp tại cơ quan thi hành án dân sự số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai số 0000162 ngày 12/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, bị cáo còn phải nộp tiếp 13.300.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 11.000.000 đồng bị cáo Sùng A T1 phạm tội mà có, ghi nhận bị cáo đã nộp tại cơ quan thi hành án dân sự số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000160 ngày 12/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, bị cáo còn phải nộp tiếp 8.500.000 đồng (*tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

3.3. Tịch thu và tiêu hủy:

+ 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen nhãn hiệu adidas; 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen nhãn hiệu Nike và một mảnh vỡ màu đen; 01 dây đai nhựa màu đen; 01 cành cây gỗ nhỏ; 01 chiếc quần dài màu đen; 01 chiếc mũ dạng rộng vành;

+ 01 chiếc áo bông Cảnh sát, kèm theo cavat cảnh sát; 01 bộ quần áo Cảnh sát (loại xuân hè có in tên Sùng A T và số hiệu 011.230); 01 túi giả da màu nâu (loại có dây đeo); 01 tập khẩu trang màu xám gồm 04 chiếc đựng trong túi nilon màu trắng; 01 kính đeo mắt gọng màu đen bằng nhựa; 01 cáp sim điện thoại nhãn hiệu Mobiphone (không có sim); 01 đôi tất tay màu đen (loại chống nắng); 01 ví giả da màu nâu bên trong có một cáp sim điện thoại nhãn hiệu Viettel (không có sim), đồ vật thu giữ của Sùng A T.

3.4. Trả lại các vật chứng sau:

- *Trả lại cho bị cáo Sùng A T:*

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu sơn tím.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu sơn đen.

- *Trả lại cho bị cáo Sùng A T1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53, màu sơn đen.*

- *Trả lại cho bị cáo Sùng A T2: 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, màu xanh.*

- *Trả lại cho chị Ly Thị N2: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 27B2-207.01, số máy JA52E0110509, số khung RLHJA3858LY014110, loại xe hai bánh từ 50-175cm³, dung tích: 109 cm³, năm sản xuất 2020, xe đã qua sử dụng, thu giữ của Sùng A T.*

(Các vật chứng nêu trên cơ quan Thi hành án dân sự đang quản lý theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 15/4/2025 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, f khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo Sùng A T, Sùng A T1.

Buộc bị cáo Sùng A T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T2 không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình. Thời hạn kháng cáo đối với người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/7/2025), đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Đảng ủy xã N, tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, Tòa án nhân dân tối cao;
- THADS tỉnh Điện Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

- Phòng HSNV, Công an tỉnh (PV06);
- Lưu: HSVA, HCTP

Trương Anh Tuấn